

Số: *96* /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

**Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển thị trường
khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2022**

Thực hiện Công văn số 1367/UBKHCNMT15 ngày 06/4/2023 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về việc xây dựng báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển thị trường khoa học và công nghệ”, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2018 - 2022

1. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về phát triển thị trường KH&CN

a) Quan điểm chủ trương về phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trong đó thị trường KH&CN là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học, thị trường KH&CN nước ta đã có bước phát triển và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Đến nay, thể chế, chính sách phát triển thị trường KH&CN từng bước được hoàn thiện; kết quả nghiên cứu của các viện, nhà trường, nhà khoa học dần trở thành hàng hóa được các doanh nghiệp đón nhận; nhu cầu, năng lực tiếp nhận và làm chủ các công nghệ mới, tiên tiến của các doanh nghiệp ngày càng được gia tăng và cải thiện; các tổ chức trung gian thị trường KH&CN, sàn giao dịch công nghệ từng bước được hình thành và phát triển, công tác xúc tiến quảng bá, kết nối cung cầu sản phẩm KH&CN tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh.

b) Công tác thể chế hóa chính sách

Thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai một số nội dung sau:

- Ban hành Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Phê duyệt Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 tại Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh.

- Phê duyệt “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020” tại Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh (*Bảng 1 kèm theo*).

2. Đánh giá việc ban hành quy định về phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Đánh giá chung

Thực hiện quy định của Trung ương về phát triển thị trường KH&CN, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện việc phân công, tổ chức thực hiện, bố trí nguồn lực,... để đảm bảo các yêu cầu cho việc triển khai đầy đủ quy định về phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh. Chính sách, pháp luật về phát triển thị trường KH&CN của Trung ương đã được tỉnh Quảng Ngãi cụ thể hóa phù hợp với điều kiện của địa phương. Bước đầu hình thành thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh thông qua một số hoạt động, như: Hỗ trợ đổi mới công nghệ thiết bị, tham gia chợ thiết bị công nghệ,...

b) Tồn tại, hạn chế

Hiện nay, Thông tư hướng dẫn quản lý và cơ chế tài chính cho việc triển khai Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 chưa được cấp có thẩm quyền ban hành. Do vậy, các hoạt động phát triển thị trường KH&CN ở địa phương từ năm 2021 đến nay chưa được triển khai.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2018 - 2022

1. Kết quả đạt được

a) Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thị trường khoa học và công nghệ

- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thị trường KH&CN: Theo chức năng, công tác quản lý nhà nước về thị trường KH&CN được giao cho Sở

Khoa học và Công nghệ thực hiện theo quy định.

- Cơ chế chỉ đạo, điều hành thực thi chính sách, pháp luật: Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về thị trường KH&CN (*Bảng 2 kèm theo*).

b) Nguồn lực cho phát triển thị trường KH&CN

- Kết quả sử dụng ngân sách cho phát triển thị trường KH&CN: Giai đoạn 2018 - 2022, ngân sách địa phương bố trí 12.021 triệu đồng cho phát triển thị trường KH&CN, chiếm 37,77% kinh phí phát triển thị trường KH&CN cả giai đoạn.

- Các nguồn vốn khác cho phát triển thị trường KH&CN: Giai đoạn 2018 - 2022, tỉnh Quảng Ngãi đã bố trí từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác là 31.824 triệu đồng cho phát triển thị trường KH&CN, chiếm 62,23% kinh phí phát triển thị trường KH&CN cả giai đoạn (*Bảng 3 kèm theo*).

c) Kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ tại địa phương

Giai đoạn 2018 - 2022, tỉnh Quảng Ngãi triển khai các nhiệm vụ phát triển thị trường KH&CN tại địa phương trên cơ sở Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh phê duyệt “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020” và Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030. Cả giai đoạn, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện hỗ trợ cho 13 dự án đổi mới thiết bị - công nghệ của 12 doanh nghiệp trên địa bàn (*Bảng 4 kèm theo*).

d) Việc phát triển nguồn cung của thị trường khoa học và công nghệ

Giai đoạn 2018 - 2022, tỉnh Quảng Ngãi triển khai 4 nhiệm vụ KH&CN để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời tạo nguồn công nghệ để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân nhằm phát triển sản phẩm của địa phương (*Bảng 5 kèm theo*).

đ) Kết quả phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (các sàn giao dịch công nghệ; các tổ chức tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các tổ chức sở hữu công nghiệp và hỗ trợ pháp lý)

Bên cạnh các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập của tỉnh hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, trên địa bàn tỉnh chưa hình thành các sàn giao dịch công nghệ, các tổ chức sở hữu công nghiệp và hỗ trợ pháp lý.

e) Việc phát triển nguồn nhu cầu của thị trường khoa học và công nghệ (hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với nguồn cung công nghệ, tiếp cận với các chính sách ưu đãi,...)

- Đề phát triển nguồn nhu cầu của thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi đã có các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với nguồn cung công nghệ, tiếp cận với các chính sách ưu đãi,... thông qua Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, các phương tiện thông tin,...

- Thông qua các hoạt động hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ, một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã xác lập được nhu cầu về công nghệ để phục vụ sản xuất kinh doanh, cũng như nắm bắt được các chính sách của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp.

f) Kết quả xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ tại địa phương

Hàng năm, tỉnh Quảng Ngãi đã thông báo và hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các sự kiện trình diễn kết nối cung cầu công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị, như: Trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ và hội nghị về hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ,... ở các tỉnh, thành phố trong nước. Giai đoạn 2018 - 2022, tỉnh Quảng Ngãi chưa tổ chức các hoạt động xúc tiến phát triển thị trường KH&CN tại địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển thị trường KH&CN

- Chưa hình thành một số tổ chức trung gian của thị trường KH&CN ở cấp độ khu vực, như: sàn giao dịch công nghệ, tổ chức sở hữu công nghệ và hỗ trợ pháp lý.

- Hoạt động kết nối cung - cầu của thị trường KH&CN chưa thật sự gắn kết, cơ chế chính sách hỗ trợ chưa thật sự hấp dẫn, thu hút các cơ quan, tổ chức tham gia.

- Công tác đào tạo, tập huấn cho công chức của tỉnh làm công tác phát triển thị trường KH&CN chưa được thực hiện thường xuyên.

III. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý và cơ chế tài chính cho việc triển khai Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2022, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{cường278}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 98/TB-UBND ngày 75/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Bảng 1:
Các văn bản liên quan đến phát triển thị trường KH&CN

STT	Tên văn bản	Hạn chế, bất cập, vướng mắc (Ghi rõ điều, khoản, nội dung cụ thể)	Đề xuất phương hướng, biện pháp giải quyết	Ghi chú
1	Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh phê duyệt “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020”			
2	Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi			
3	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030			

Bảng 2:
Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về phát triển thị trường KH&CN

Năm	Cơ quan	Tổng số biên chế	Hoạt động		Trình độ		
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Đại học	Trên ĐH	Khác
2018	Sở Khoa học và Công nghệ	34	-	01	X		
2019		31	-	01	X		
2020		31	-	01	X		
2021		31	-	01	X		
2022		31	-	01	X		

Bảng 3:
Tổng hợp chi phí và phát triển thị trường KH&CN

STT	Nguồn chi	2018	2019	2020	2021	2022	Ghi chú
1	Ngân sách Trung ương	-	-	-	-	-	
2	Ngân sách địa phương	1.936	4.207	5.678	80	120	
3	Nguồn viện trợ	-	-	-	-	-	
4	Nguồn khác	4892	3.566	23.366	-	-	
	Tổng	6.828	7.773	29.044	80	120	

Bảng 4:
Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, đề án và phát triển thị trường KH&CN

Năm	Tên Đề án, Dự án/ Nhiệm vụ	Kinh phí đầu tư/nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý	Tình hình thực hiện	Kết quả/Đánh giá hiệu quả/Đề xuất
2018	Đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến gỗ	1.560/468	Công ty TNHH chế biến gỗ Minh Dương Quất			Giảm chi phí nhân công tại công đoạn ghép thanh 61%, tăng thu nhập cho người lao động 2%, tăng lợi nhuận cho DN 1,4%/1 sản phẩm.
	Đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến gỗ	1.449/427	Công ty CP lâm sản Tân Thành			Tăng sản lượng sản phẩm 20%, giảm chi phí tiền điện 10%, giảm tỉ lệ phế phụ phẩm 40%, giảm chi phí nhân công 22%, tăng thu nhập cho người lao động 6,25%, tăng lợi nhuận cho DN 26,2%.
	Đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến gỗ	1.205/362	Công ty TNHH Hoàn Vũ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã nghị thu	Giảm chi phí nhân công phải trả 5,96%, Giảm chi phí tiêu thụ điện năng 8,15%, Tăng thu nhập bình quân cho người lao động 6,67%, Tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp 13,10%
2019	Đổi mới thiết bị, công nghệ trong đóng gói hạt giống rau màu	596/179	Công ty TNHH Giống cây trồng Miền Trung			Tăng 20% công suất; tăng lợi nhuận DN 115đ/đơn vị SP; tăng thu nhập cho người lao động trực tiếp 50.000đ/ngày/người
	Đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến gỗ	2.018/500	Công ty TNHH SX TM & DT Tam Minh			Giảm chi phí nhân công 6,12%/năm; tăng lợi nhuận DN 6,34%/năm; tăng thu nhập bình quân cho người lao động 5,2%/năm
2019	Đổi mới công nghệ, thiết bị trong chế biến và bảo quản hạt giống lúa	908/272	Công ty TNHH Giống cây trồng Miền Trung.			Tăng sản lượng sản phẩm 0,83%, giảm chi phí tiền điện 51%, giảm chi phí nhân công 0,3%, tăng thu nhập cho người lao động 1,6%, tăng lợi nhuận cho DN 2,5%.
	Đổi mới thiết bị, công nghệ trong lĩnh vực sản xuất kết cấu thép tại Nhà	1.630/489	Công ty CP cơ khí và xây lắp An Ngãi			Giảm tiêu hao điện: 23%; Giảm chi phí nhân công 17,4%/Tấn ; Tăng lợi nhuận DN 30%/tấn; Tăng thu nhập bình quân đầu

	máy cơ khí Quảng Ngãi				người 2,5%/tấn
	Đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất gạch Terrazzo nội thất khổ 60X60	1.244/373	Công ty TNHH MTV BONGTILES		Giảm tiêu hao nguyên liệu: 4%; Giảm chi phí nhân công 55%; Tăng lợi nhuận DN 69%/tấn
	Đổi mới thiết bị, công nghệ trong dây chuyền sản xuất bánh ngọt	911/273	Công ty TNHH Thủy Trâm		Giảm chi phí nhân công 21,75%; tăng lợi nhuận Dn sau thuế 437đ/kg SP; tăng 40% công suất
	Đổi mới thiết bị, công nghệ trong cấp đông sản phẩm thủy sản tại Nhà máy Chế biến thủy sản Hưng Phong	2.673/500	Công ty TNHH TM & DV và chế biến thủy sản Hưng Phong		- Tiết kiệm được khoảng 50% lượng điện năng sử dụng. - Rút ngắn thời gian cấp đông sản phẩm/mé (từ 10h xuống 8h), tăng vòng quay hầm (số mé/hầm), tăng sản lượng sản phẩm sản xuất từ 2.600 tấn/ năm lên 3.600 tấn/năm.
	Đổi mới thiết bị - công nghệ cắt ống kim loại	1.961/250	Công ty TNHH xây dựng sản xuất & thương mại Phước An		Giảm chi phí nhân công 42%, Giảm chi phí nguyên liệu 5%; tăng lợi nhuận DN 5%/Tấn SP
2020	Đổi mới thiết bị, công nghệ nâng cao chất lượng và năng lực sản xuất sản phẩm tại Nhà máy Chế biến thủy sản Tân Thành.	6.358/450	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Tân Thành		- Tiết kiệm được khoảng 20 – 30% lượng điện năng sử dụng. - Rút ngắn thời gian cấp đông sản phẩm/mé (từ 10h xuống 8h), tăng vòng quay hầm (số mé/hầm), tăng sản lượng sản phẩm sản xuất từ 2.500 tấn/ năm lên 3.500 tấn/năm. - Tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp lên 50%
	Đầu tư mới Dây chuyền, Công nghệ sơn sấy ngói tự động trong nhà máy gạch ngói không nung Bình Sơn.	875/113	Công ty TNHH xây lắp và thương mại AMC		Tăng công suất từ 500 viên/ ngày lên 4000 viên/ ngày; Tiết kiệm nguyên liệu sơn; Giảm 50% năng lượng tiêu thụ trên sản phẩm; Giảm ô nhiễm môi trường; Tăng lợi nhuận DN 500 đồng/ sản phẩm tương đương 10% lợi nhuận/viên.

Bảng 5:
Phát triển nguồn cung của thị trường KH&CN

Năm	Tên Đề án, Dự án/ Nhiệm vụ	Kinh phí đầu tư/đối ứng (triệu đồng)	Cơ quan quyết định đầu tư, Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý	Tình hình thực hiện	Kết quả/ Đánh giá hiệu quả/ Đề xuất
2019	Đề tài: Nghiên cứu sinh sản nhân tạo và nuôi thử nghiệm thương phẩm cá bống cát sông Trà (Glossogobius sparsipapillus) tỉnh Quảng Ngãi	Tổng kinh phí: 1.470 triệu đồng. Trong đó: - Kinh phí SNKHCN: 1.400 trđ - Nguồn khác: 70 trđ	- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi - Chủ trì thực hiện: Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã nghiệm thu	Đạt
		Tổng kinh phí: 1.610 triệu đồng. Trong đó: - Kinh phí SNKHCN: 1.410 trđ - Vốn dân: 200 trđ	- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi - Chủ trì thực hiện: Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung		Đã nghiệm thu	Đạt
		Tổng kinh phí: 10.694,82 trđ. Trong đó: - Kinh phí SNKHCN: 2.215 - Vốn doanh nghiệp: 8.479,82	- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi - Chủ trì thực hiện: Công ty TNHH MTV Minh Quang		Đã nghiệm thu	Đạt
2020	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quản lý ôn định môi trường nước trong ao nuôi tôm siêu thâm canh ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Tổng kinh phí: 5.481,844 trđ. Trong đó: - Kinh phí SNKHCN: 2,150 - Vốn doanh nghiệp: 3.331,644	- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi - Chủ trì thực hiện: Công ty TNHH MTV Minh Quang		Đã nghiệm thu	Đạt